

Bản án số: 18/2025/DS-PT
Ngày 27 tháng 02 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Ông Phạm Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo của đương sự.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Khắc T, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Kim D (tên gọi khác là Vũ Thị N), sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà D: Ông Nguyễn Văn T1 - Luật sư thuộc văn phòng L1- Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ văn phòng: Số nhà B, LK6A -20 - Khu nhà ở liền kề cán bộ chiến sỹ Cục cảnh sát điều tra tội phạm ma túy (C17), khu đô thị M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (Bà L ủy quyền cho ông T).

Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị Kim D.

(Bà D và Luật sư T1 có mặt. Ông T, bà L, ông H đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Đào Khắc T trình bày:

Ông và vợ chồng ông H, bà D có quan hệ là hàng xóm, là con của hai gia đình thông gia, do cần vay tiền để làm ăn nên ông H, bà D có vay ông 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*). Nguồn gốc số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) do vợ chồng ông đi vay Ngân hàng. Khi cho vay, ông cho ông H, bà D vay với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng và trả lãi vào ngày mùng 10 hàng tháng. Đến tháng 11/2022, ông H, bà D trả tiền lãi không đúng hạn nên ông gọi điện, nhắn tin, đến nhà ông H, bà D để đòi số tiền nhưng ông H, bà D khát hạn và không trả tiền cho ông. Tiền của ông cũng là tiền phải thế chấp tài sản bằng nhà ở để vay Ngân hàng nên rất vất vả, khó khăn để lấy tiền trả lãi cho Ngân hàng. Từ tháng 01/2023 đến bây giờ ông H, bà D vẫn chưa trả cho ông đồng nào. Đến ngày 29/12/2023, ông H, bà D trả cho ông hai ô đất ở xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ tính bằng 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Hai bên chốt còn tiền gốc là 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) và số tiền lãi 11 tháng $20 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 525.000.000\text{đ}$ (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*) của khoản 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*).

Tổng số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*), ông cho bà Vũ Thị Kim D vay 04 lần. Cụ thể: Ngày 07/01/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); Ngày 10/01/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); Ngày 28/3/2022 vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Ngày 02/5/2022 vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Ngày 28/3/2022 và ngày 02/5/2022 đều vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); nên có gạch bỏ ngày 28/3/2022 trên giấy vay và ghi tổng lại ngày 02/5/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*). Trong giấy vay tiền bà D có ký nhận các chữ ký “*Nhung*” và chữ viết “*Vũ Thị N*” đây là tên thường gọi của bà D tại địa phương.

Ông Tài cung cấp cho Tòa án 01 USB Toshiba 4GB có ghi âm những cuộc nói chuyện giữa ông với bà Vũ Thị Kim D, trong USB không có nội dung nào thể hiện việc ông H vay tiền của ông. Quá trình làm việc bà D đã thừa nhận việc có vay của ông T tổng số tiền 3.000.000.00đ (*Ba tỷ đồng*). Đã trả 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) và còn nợ lại 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Về lãi suất: Quá trình nợ 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*), bà D đã trả lãi cho ông nhiều lần với mức lãi suất 1,5%/tháng (khoản này khi trả lãi hai bên thống nhất: Trả lãi 15.000.000đ/tháng cho khoản 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) và trả lãi 30.000.000đ/tháng cho khoản 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*)). Việc bà D trả lãi

cho ông mức lãi 1,5%/tháng của khoản vay thể hiện qua các lần chuyển khoản và tin nhắn zalo ông giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên mức lãi suất này ông và bà D tự thỏa thuận miệng với nhau, không có người làm chứng và không có giấy tờ nào khác thỏa thuận về lãi suất. Khi cho vay tiền ông T xác định: Ông Lê Hữu H có biết sự việc cụ thể lần vay ngày 10/01/2022, ông H là người trực tiếp đến lấy tiền về cho bà D. Tuy nhiên ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông H đến nhận tiền.

Ông T yêu cầu bà D trả tiền gốc 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 29/12/2023 là 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng của khoản vay 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) và lãi của khoản tiền gốc 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) từ thời điểm 01/01/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (30/9/2024) là tròn 09 tháng.

Bị đơn bà Vũ Thị Kim D trình bày: Bà thừa nhận có vay của ông Đào Khắc T 04 lần vay, tổng là 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*), cụ thể là các lần: Ngày 07/01/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); Ngày 10/01/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); Ngày 28/3/2022 vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Ngày 02/5/2022 vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Ngày 28/3/2022 và ngày 02/5/2022 đều vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) nên có gạch bỏ ngày 28/3/2022 trên giấy vay và ghi tổng lại ngày 02/5/2022 vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*). Bà thừa nhận Giấy vay tiền của bà ký giữa bà với ông T, ông T cung cấp cho Tòa án là hoàn toàn đúng. Trong giấy vay tiền có các chữ ký “*Nhung*” và chữ viết “*Vũ Thị N*” là chữ ký, chữ viết của bà xác nhận vay của ông T. Lý do: Tên “*Vũ Thị N*” là tên do gia đình, hàng xóm thường gọi, bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết do bà viết ra.

Trong quá trình vay, bà tự trả lãi cho ông T với mức lãi suất 1,5%/tháng, bà trả lãi cho ông T theo 02 khoản: 15.000.000đ/tháng cho khoản 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) và 30.000.000đ/tháng cho khoản 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*). Việc trả lãi này thực hiện theo chuyển khoản Ngân hàng và tiền mặt cho ông T. Về lãi suất là do bà tự nguyện và không có sự thỏa thuận nào với ông T với mức 1,5%/tháng. Bà đã trả 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) cho ông T và nhận nợ lãi còn lại của khoản 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) là 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng. Còn nợ gốc 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) bà không có thỏa thuận gì về lãi suất với khoản này. Bà đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Về nguồn tiền 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) trả cho ông T là do vợ chồng bà bán 02 thửa đất ở xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho ông T quy ra tính bằng 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Việc bán 02 thửa đất trên lấy 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*), chồng bà là ông Lê Hữu H cho bà toàn quyền định đoạt và bà đã dùng số tiền này để trả cho ông T. Chồng bà là ông Lê Hữu H hoàn toàn không liên quan đến khoản vay giữa bà và ông T, bà khẳng định đây là khoản vay cá nhân giữa bà và ông T, khoản vay này bà sử dụng vào mục đích cá nhân không liên quan đến gia đình của bà và không liên quan đến ông H.

Do điều kiện kinh tế hiện tại đang gặp khó khăn, bà đề nghị ông T tạo điều kiện để bà trả gốc dần và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hữu H trình bày:

Việc vay nợ giữa vợ ông là bà Vũ Thị Kim D với ông Đào Khắc T, ông không nắm được và không biết, chỉ đến khi ông nhận được thông báo thụ lý và giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ báo ông đến làm việc, ông mới biết sự việc bà D vay tiền của ông T. Việc vay mượn giữa bà D và ông T là việc riêng, cá nhân của bà D không liên quan đến ông và gia đình ông.

Đối với 02 thửa đất ở xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, ông có ký vào giấy bán cho ông Đào Khắc T với giá tính bằng 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Ông đồng ý cho vợ ông là bà D tự định đoạt số tiền bán 02 thửa đất này, việc bà D dùng tiền này để trả cho ông T hay không, ông không biết sự việc.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 20/2024.QĐ-SCBSBA ngày 09/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Khắc T.

2. Buộc bà Vũ Thị Kim D phải trả cho ông Đào Khắc T số tiền là 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) từ thời điểm 01/01/2024 đến ngày xét xử 30/9/2024 là 09 tháng = 105.000.000đ (*Một trăm linh năm triệu đồng*) và khoản tiền nợ lãi 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng của khoản vay 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) = 525.000.000đ (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*). Tổng cộng: 2.030.000.000đ (*Hai tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*).

Xác nhận: Đến trước thời điểm khởi kiện, bà Vũ Thị Kim D đã trả cho ông Đào Khắc T số tiền 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) của khoản vay 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 14/10/2024, bị đơn bà Vũ Thị Kim D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Vũ Thị Kim D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D và bà D: Không nhất trí với Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc tính mức lãi suất 1,5%/tháng của khoản tiền 3.000.000.000 đồng(Ba tỷ đồng)và việc tính mức lãi suất 1,5%/tháng của số tiền gốc còn lại 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Đề nghị sửa bản án theo hướng tính lại lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D còn kiến nghị việc trong bài phát biểu của Kiểm sát viên cấp sơ thẩm ghi nghiên cứu hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình và đề nghị áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Kim D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Về kiến nghị của luật sư đối với bài phát biểu của Kiểm sát viên cấp sơ thẩm ghi nghiên cứu hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình và đề nghị áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, là sơ xuất của kiểm sát viên cấp sơ thẩm, cần rút kinh nghiệm là phù hợp.

- Về án phí: Bà Vũ Thị Kim D1 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

(Chi tiết bài phát biểu của Viện kiểm sát lưu trong hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Kim D2 thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định.

Trong vụ án này, tranh chấp xuất phát từ việc bà D vay tiền của vợ chồng ông T, nguồn gốc tiền là sở hữu chung của vợ chồng đến nay không trả.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa Bà Nguyễn Thị L là vợ ông T tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Tuy nhiên, khi quyết định tuyên trả, đã sơ xuất khi T2 bà D có nghĩa vụ trả cho một mình ông T. Tại cấp phúc thẩm, bà L vắng mặt xong có đơn đồng ý để bà D trả cho một mình ông T là tự nguyện cần chấp nhận và rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nhưng Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xác định là Tranh chấp kiện đòi tài sản và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng. Đến ngày 10/02/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 20/2024/QĐ-SCBSBA ngày 09/10/2024 của TAND huyện Thanh Thủy về việc sửa chữa quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng. Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa bổ sung quan hệ tranh chấp nhưng vẫn không thay đổi bản chất vụ án, bảo đảm quyền về tài sản của các đương sự nên việc sửa chữa bổ sung bản án của cấp sơ thẩm được chấp nhận và rút kinh nghiệm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm của bị đơn bà Vũ Thị Kim D, HĐXX nhận thấy:

Theo yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu trong quá trình giải quyết ông T yêu cầu bà D trả số tiền gốc 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cùng 09 tháng tiền lãi của khoản tiền gốc 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) từ thời điểm 01/01/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 30/9/2024) và tiền lãi tính đến ngày 29/12/2023 là 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng của khoản vay 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng).

[2.1] Về tiền gốc: tại phiên tòa các cấp, ông Đào Khắc T và bà Vũ Thị Kim D đều thống nhất xác định trong khoảng thời gian từ ngày 07/01/2022 đến ngày 02/5/2022 bà Vũ Thị Kim D đã vay của vợ chồng ông T 04 lần tổng số tiền 3.000.00.000đ (Ba tỷ đồng) đã trả được 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và còn nợ lại 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Số tiền nợ gốc và lãi còn lại được bà D viết xác nhận vào ngày 29/12/2023 đã được bà D thừa nhận tại phiên tòa về nội dung và chữ viết của bà. Theo đó cho thấy, các bên đương sự đều thống nhất về thời gian vay, số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền gốc còn nợ 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) không có tranh chấp nên không phải chứng minh. Theo đó về tiền gốc, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà D có nghĩa vụ trả số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cho ông Đào Khắc T3 có cơ sở.

[2.2] Về tiền lãi:

Đối với tiền lãi của khoản tiền gốc vay 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) trước ngày 29/12/2023. Nhận thấy, trong các giấy vay tiền và xác nhận vay tiền giữa các bên không ghi rõ thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, giấy xác nhận do bà D viết ngày 29/12/2023 thể hiện thời gian nợ lãi tính đến ngày viết giấy 29/12/2023 là 11 tháng 20 ngày, mức lãi suất 1,5%/01 tháng. Tại tòa án cấp sơ thẩm, bà D cho rằng khoản lãi này do bà tự nguyện trả, không phải do các bên tự thỏa thuận. Tại cấp phúc thẩm, bà cho là không nhớ nhưng không lý giải được nội dung này. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định bà D trả cho ông T mức lãi suất là 1,5%/01 tháng, ông T cũng đồng ý bằng việc trước đó đã nhận lãi suất của khoản vay này là 1,5%/ 01 tháng. Như vậy, các đương sự có thỏa thuận về lãi. Theo đó, ông T

yêu cầu bà D trả khoản tiền nợ lãi 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng của khoản vay 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng), Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận là có căn cứ.

Về tiền lãi của khoản tiền nợ gốc còn lại 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết, ông T đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả nợ lãi mức lãi suất 1,5%/01 tháng kể từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Đến nay, bà D cho rằng khoản tiền này không có thỏa thuận lãi, trong giấy xác nhận còn nợ cũng không rõ ràng về mức lãi suất của khoản tiền này nên bà D cùng Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà đề nghị tính mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Theo đó xác định, có tranh chấp về mức lãi suất của khoản tiền nợ gốc còn lại 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Do cấp sơ thẩm trong phần nhận định ghi không rõ, xong căn cứ vào phần quyết định để thấy đã căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự để buộc bà D phải trả lãi mức lãi suất 10%/01 năm là đúng quy định, và phù hợp với quan điểm đề nghị của bà D cùng Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Cấp phúc thẩm sẽ sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[3] Từ những phân tích tại mục [2.1], [2.2], Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà D3 được chấp nhận, bà D1 chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Kim D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Khắc T.

2. Buộc bà Vũ Thị Kim D phải trả cho ông Đào Khắc T số tiền gốc 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc chậm trả 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) từ thời điểm 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 09 tháng x 10%/01 năm = 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) và khoản tiền nợ lãi 11 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng của

khoản vay 3.000.000.000đ(Ba tỷ đồng) = 525.000.000đ (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền gốc và lãi bà Vũ Thị Kim D phải trả cho ông Đào Khắc T: 2.030.000.000đ (Hai tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Kim D phải chịu 72.600.000đ (Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đào Khắc T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003750 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Kim D1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003826 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- TAND huyện Thanh Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương